

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN  
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF  
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company*:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank* : Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ *Securities code* : FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ *ETF name* : Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address* : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date* : 05/06/2025

7. Đơn vị tính/*Unit* : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares*.

**Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/**

**Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:**

| STT       | Mã chứng khoán         | Số lượng        | Tỷ lệ % trong danh mục |
|-----------|------------------------|-----------------|------------------------|
| <i>No</i> | <i>Securities code</i> | <i>Quantity</i> | <i>Weight</i>          |
| <i>I.</i> | Chứng khoán/Stock      | 962,445,000     | 95.46%                 |
| 1         | ACB                    | 2,100           | 4.39%                  |
| 2         | BID                    | 100             | 0.35%                  |
| 3         | BVH                    | 100             | 0.51%                  |
| 4         | CMG                    | 100             | 0.35%                  |
| 5         | CTG                    | 400             | 1.53%                  |
| 6         | DBC                    | 100             | 0.29%                  |
| 7         | DCM                    | 100             | 0.34%                  |
| 8         | DGC                    | 100             | 0.89%                  |
| 9         | DGW                    | 100             | 0.35%                  |
| 10        | DIG                    | 200             | 0.36%                  |
| 11        | DPM                    | 100             | 0.34%                  |
| 12        | DXG                    | 400             | 0.63%                  |
| 13        | EIB                    | 700             | 1.71%                  |
| 14        | EVF                    | 300             | 0.33%                  |
| 15        | FPT                    | 600             | 6.97%                  |
| 16        | FRT                    | 100             | 1.67%                  |
| 17        | GAS                    | 100             | 0.64%                  |
| 18        | GEX                    | 300             | 1.10%                  |
| 19        | GMD                    | 200             | 1.17%                  |
| 20        | GVR                    | 100             | 0.29%                  |
| 21        | IIAG                   | 300             | 0.39%                  |

|    |     |       |       |
|----|-----|-------|-------|
| 22 | HCM | 200   | 0.53% |
| 23 | HDB | 1,200 | 2.60% |
| 24 | HDG | 100   | 0.27% |
| 25 | HHV | 200   | 0.25% |
| 26 | HPG | 1,600 | 4.12% |
| 27 | HSG | 200   | 0.32% |
| 28 | KBC | 200   | 0.52% |
| 29 | KDC | 100   | 0.54% |
| 30 | KDH | 300   | 0.91% |
| 31 | LPB | 1,300 | 4.09% |
| 32 | MBB | 1,500 | 3.65% |
| 33 | MSB | 1,100 | 1.28% |
| 34 | MSN | 400   | 2.54% |
| 35 | MWG | 500   | 3.04% |
| 36 | NAB | 500   | 0.83% |
| 37 | NKG | 200   | 0.26% |
| 38 | NLG | 100   | 0.38% |
| 39 | OCB | 700   | 0.76% |
| 40 | PAN | 100   | 0.28% |
| 41 | PCI | 100   | 0.23% |
| 42 | PDR | 200   | 0.37% |
| 43 | PLX | 100   | 0.36% |
| 44 | PNJ | 100   | 0.78% |
| 45 | POW | 300   | 0.40% |
| 46 | PVD | 100   | 0.19% |
| 47 | PVT | 100   | 0.23% |
| 48 | REE | 100   | 0.72% |
| 49 | SAB | 100   | 0.50% |
| 50 | SBT | 200   | 0.36% |
| 51 | SHB | 1,600 | 2.19% |
| 52 | SSB | 800   | 1.45% |
| 53 | SSI | 600   | 1.44% |
| 54 | STB | 900   | 3.66% |
| 55 | TCB | 2,100 | 6.53% |
| 56 | TCH | 200   | 0.40% |
| 57 | TPB | 600   | 0.78% |
| 58 | VCB | 400   | 2.25% |
| 59 | VCG | 200   | 0.44% |
| 60 | VCI | 200   | 0.73% |
| 61 | VHM | 500   | 3.82% |
| 62 | VIB | 1,000 | 1.80% |
| 63 | VIC | 500   | 4.86% |
| 64 | VIX | 600   | 0.84% |

0102  
C  
MỘT  
QUẢN L  
CHI  
/ BÀ T

|      |                 |               |         |
|------|-----------------|---------------|---------|
| 65   | VJC             | 100           | 0.91%   |
| 66   | VND             | 500           | 0.86%   |
| 67   | VNM             | 400           | 2.26%   |
| 68   | VPB             | 1,800         | 3.26%   |
| 69   | VRE             | 400           | 1.07%   |
| II.  | Tiền/Cash (VND) | 45,790,217    | 4.54%   |
| III. | Tổng/Total      | 1,008,235,217 | 100.00% |

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

*Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:*

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND) 962,445,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND) 1,008,235,217

Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND) 45,790,217

**Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:**

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

**Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)**

| STT | Mã chứng khoán  | Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu | Đối tượng áp dụng                                               | Lý do                                                                                                                                   |
|-----|-----------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| No. | Securities code | Substitution cash per share VND    | Applied to                                                      | Reason                                                                                                                                  |
| 1   | ACB             | 21,100                             | Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit                                             |
| 2   | BID             | 35,750                             | BSC                                                             | Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular |
| 3   | FPT             | 117,100                            | Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit                                             |
| 4   | GMD             | 59,100                             | Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit                                             |
| 5   | MBB             | 24,550                             | Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit                                             |
| 6   | MWG             | 61,300                             | Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit                                             |
| 7   | PNJ             | 78,900                             | Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit                                             |
| 8   | REE             | 72,300                             | Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit                                             |
| 9   | TCB             | 31,350                             | Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit                                             |
| 10  | TPB             | 13,100                             | Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit                                             |
| 11  | VPB             | 18,250                             | Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP | Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit                                             |
| 12  | VND             | 17,300                             | VND                                                             | Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading                                                      |

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclose on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

17  
3 TY  
4H  
VH  
ỦY  
KHC  
A  
G



**Đại diện tổ chức/Organization Representative**

**Người được ủy quyền công bố thông tin/ Persons Authorized to Disclose Information**

**(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có) / (Signature, full name and seal - if any)**



Nguyễn Thị Thúy Lan

